

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

ĐINH THỊ PHƯƠNG THU

TỰ TƯỞNG THÂN DÂN
TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM
TỪ THẾ KỈ X ĐẾN HẾT THẾ KỈ XVII

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN
(Chuyên ngành Văn học Việt Nam)

HÀ NỘI - 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

ĐINH THỊ PHƯƠNG THU

**TƯ TƯỞNG THÂN DÂN
TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM
TỪ THẾ KỈ X ĐẾN HẾT THẾ KỈ XVII**

Chuyên ngành: *Văn học Việt Nam*

Mã số: 9.22.01.21

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN
(Chuyên ngành Văn học Việt Nam)**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: GS.TS Lã Nhâm Thìn

HÀ NỘI – 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Đinh Thị Phương Thu

TaiLieu.vn

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất đến thầy GS.TS. Lã Nhâm Thìn đã luôn tận tình hướng dẫn, giúp đỡ, chỉ bảo rất nhiều để tôi hoàn thành luận án này.

Tôi cũng xin cảm ơn những nhận xét, góp ý của các nhà khoa học, của các thầy cô trong Bộ môn Văn học trung đại Việt Nam, Khoa Ngữ văn, Phòng Sau Đại học, Ban Giám hiệu trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã tạo mọi điều kiện cho tôi học tập và thực hiện luận án.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới gia đình, bạn bè cũng như các thầy cô, đồng nghiệp, Bộ môn Khoa học Xã hội, Ban Giám hiệu trường THPT Chuyên Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội nơi tôi đang công tác vì đã luôn động viên và ủng hộ tôi để tôi hoàn thành công trình này.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Đinh Thị Phương Thu

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	iii
LỜI CẢM ƠN	iv
MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	7
1.1. Giới thuyết khái niệm dân và tư tưởng thân dân	7
1.1.1. Giới thuyết khái niệm dân.....	7
1.1.2. Giới thuyết khái niệm tư tưởng thân dân.....	9
1.1.3. Tiêu chí xác định tư tưởng thân dân trong tác phẩm văn học.....	11
1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	13
1.2.1. Nghiên cứu tư tưởng thân dân từ góc độ tư tưởng, triết học, lịch sử liên quan tới đề tài.....	13
1.2.2. Nghiên cứu tư tưởng thân dân trong văn học.....	15
Tiểu kết chương 1	21
Chương 2. NHỮNG TIỀN ĐỀ CỦA TƯ TƯỞNG THÂN DÂN TRONG VĂN HỌC TỪ THẾ KỶ X ĐẾN HẾT THẾ KỶ XVII	23
2.1. Tiền đề lịch sử, xã hội của tư tưởng thân dân trong văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII	23
2.1.1. Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.....	23
2.1.2. Chế độ giáo dục, khoa cử.....	26
2.2. Tiền đề tư tưởng, văn hóa của tư tưởng thân dân trong văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII	28
2.2.1. Tín ngưỡng bản địa và văn hóa dân gian.....	28
2.2.2. Nho giáo và tư tưởng thân dân.....	32
2.2.3. Phật giáo và tư tưởng thân dân.....	34
Tiểu kết chương 2	37
Chương 3. TƯ TƯỞNG THÂN DÂN TRONG VĂN HỌC TỪ THẾ KỶ X ĐẾN HẾT THẾ KỶ XIV	38
3.1. Khái quát về tư tưởng thân dân trong văn học trung đại Việt Nam	38
3.2. Tư tưởng thân dân trong văn học thời Lí	42
3.2.1. Trọng dân và hướng tới ước nguyện của người dân.....	42
3.2.2. Ý thức về trách nhiệm trước người dân.....	47

3.3. Tư tưởng thân dân trong văn học thời Trần	53
3.3.1. Lấy dân làm gốc và khoan thứ sức dân trong thời Thịnh Trần	54
3.3.2. Thương xót người dân và xót xa trước thế sự trong văn học thời Văn Trần.....	63
Tiểu kết chương 3.....	79
Chương 4. TƯ TƯỞNG THÂN DÂN TRONG VĂN HỌC THẾ KỶ XV	81
4.1. Tư tưởng thân dân trong văn học nửa đầu thế kỷ XV.....	81
4.1.1. Thương dân, đề cao vai trò sức mạnh của người dân trong văn học thời khởi nghĩa Lam Sơn.....	81
4.1.2. Ý thức về trách nhiệm của kẻ sĩ đối với người dân.....	89
4.1.3. Tư tưởng thương dân, trọng dân và ơn dân trong sáng tác của Nguyễn Trãi	92
4.2. Tư tưởng thân dân trong văn học nửa cuối thế kỷ XV.....	103
4.2.1. Tư tưởng thân dân thể hiện qua tinh thần ca ngợi cuộc sống thái bình, trăm họ yên vui	103
4.2.2. Tư tưởng thân dân thể hiện qua tinh thần tự răn mình của đấng quân vương: Kính trời, thương dân; trên dưới đồng lòng, xã tắc bền vững.....	110
Tiểu kết chương 4.....	114
Chương 5. TƯ TƯỞNG THÂN DÂN TRONG VĂN HỌC TỪ THẾ KỶ XVI ĐẾN HẾT THẾ KỶ XVII.....	116
5.1. Tư tưởng thân dân trong văn học thế kỷ XVI.....	116
5.1.1. Tư tưởng thân dân trong sáng tác văn học của Nguyễn Bình Khiêm	116
5.1.2. Tư tưởng thân dân trong sáng tác văn học của Phùng Khắc Khoan	126
5.2. Tư tưởng thân dân trong văn học thế kỷ XVII	134
5.2.1. Tư tưởng trọng dân, thương dân.....	135
5.2.2. Cách nhìn lịch sử theo quan điểm của nhân dân, phù hợp với đạo lí, chính nghĩa	143
Tiểu kết chương 5.....	144
KẾT LUẬN	146
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	151
TÀI LIỆU THAM KHẢO	152
PHỤ LỤC TÁC GIẢ, TÁC PHẨM THỂ HIỆN TƯ TƯỞNG THÂN DÂN	165

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Về khoa học

Tư tưởng thân dân là một tư tưởng lớn trong lịch sử tư tưởng Việt Nam. Nhận thức về vai trò, sức mạnh của dân đối với sự tồn vong, phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc và định ra những đường lối chính trị, chính sách xã hội tiến bộ theo hướng *thân dân* là một quá trình lâu dài trong lịch sử tư tưởng Việt Nam. Tư tưởng “*Thân dân*”, “*Lấy dân làm gốc*” cũng là một bài học chính trị và lời dặn dò quý báu của ông cha ta thể hiện ở các triều đại trong lịch sử dựng nước và giữ nước mấy nghìn năm của dân tộc đồng thời không ngừng được kế thừa, phát triển và biến đổi phù hợp với thực tiễn đất nước ta. Tư tưởng thân dân chiếm vị trí quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến đường lối chính trị của mỗi triều đại, mỗi chế độ, trong quá khứ cũng như trong hiện tại.

Tư tưởng thân dân được phản ánh trong văn học trở thành nội dung lớn của văn học Việt Nam, từ văn học dân gian đến văn học hiện đại. Nền văn học Việt Nam, do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, đã luôn gắn bó máu thịt với vận mệnh đất nước, với số phận con người Việt Nam. Từng bước đi của lịch sử dân tộc, từng niềm vui, nỗi buồn đau của đất nước, từng giọt nước mắt hay nụ cười trong mỗi số phận nhân dân,... đều trở thành cảm hứng sáng tác của nhiều tác giả. Vận mệnh dân tộc và vận mệnh nhân dân là những nhân tố được quan tâm phản ánh trong sáng tác văn chương. Ở từng thời kì lịch sử, *nước* và *dân* luôn gắn bó mật thiết với nhau: có dân, dựng nước, giữ nước thắng lợi, không dân nước suy, nước mất; dân là công dân trong quan hệ *dân nước*, dân còn là con người trong quan hệ *dân - cộng đồng người*. Tư tưởng thân dân do đó là đạo lí và cũng là thành phần của lí tưởng thẩm mỹ dân tộc - một trong những thành phần cao đẹp có vị trí lớn đối với văn học muôn đời.

Tư tưởng thân dân trong văn học trung đại Việt Nam có những đặc điểm riêng so với văn học hiện đại. Trải qua quá trình phát triển thăng trầm của các triều đại phong kiến, các thế hệ Nho sĩ trí thức trung đại đã tiếp thu nguồn ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho, Phật, Đạo đồng thời kết hợp với tinh thần dân tộc, tinh thần thời đại để đem đến cho văn học những màu sắc phong phú của tư tưởng thân dân. Tư tưởng thân dân trong văn học trung đại từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII phản ánh những vấn đề lớn của lịch sử tư tưởng Việt Nam, văn học Việt Nam. Tìm hiểu tư tưởng thân dân góp phần tìm hiểu

sâu hơn những vấn đề về tác giả, tác phẩm, những qui luật phát triển của văn học trung đại Việt Nam.

Với những ý nghĩa đó, luận án lựa chọn đề tài *Tư tưởng thân dân trong văn học trung đại Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII*. Đề tài của chúng tôi vừa kế thừa thành quả từ những công trình đi trước vừa hứa hẹn mang đến một cái nhìn hệ thống về đặc điểm diện mạo, sự tiếp nối và mở rộng, sự tiếp nhận tinh hoa văn hóa nước ngoài và yếu tố nội sinh trong tư tưởng thân dân ở các thế kỷ đầu của nền văn học viết Việt Nam.

1.2. Về thực tiễn

Văn học trung đại được giảng dạy với số lượng lớn ở nhà trường từ phổ thông đến đại học, đặc biệt là nhóm tác phẩm văn học từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII liên quan đến vấn đề tư tưởng thân dân. Đề tài có ý nghĩa thiết thực trong việc vận dụng vào thực tiễn dạy - học và tiếp cận văn bản tác phẩm văn học trung đại.

Với xã hội, người dân là vấn đề lớn của lịch sử, đồng thời là vấn đề quan trọng được quan tâm trong đời sống của đất nước, đời sống xã hội hiện nay. Đề tài từ góc độ văn học góp phần lí giải những vấn đề đặt ra trong cuộc sống. Nhân dân vừa là chủ thể lịch sử, vừa là động lực của sự phát triển xã hội. Vì vậy, bất cứ một giai cấp cầm quyền nào muốn duy trì được sự ổn định của mình thì phải gắn bó với dân, phải có chính sách dưỡng dân, giáo dân phù hợp. Điều này đã được chứng minh qua hàng ngàn năm lịch sử, nếu được dân tin, dân theo, thì chính quyền sẽ bền vững, quốc gia được củng cố, hưng thịnh.

Quan điểm tích cực của Nho gia “*Đẩy thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân*” luôn có giá trị đối với mọi thời đại. Hiện nay, quan điểm “*Lấy dân làm gốc*” càng được cụ thể hóa trong đời sống xã hội thành những phương châm, mục tiêu có ý nghĩa thực tiễn, tiến bộ như “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”, “*dân hướng*”. Điều đó cho thấy, việc đánh giá đúng đắn vị trí và vai trò của dân trong lịch sử có ý nghĩa quan trọng đến sự tồn vong của mỗi hình thái xã hội trong lịch sử, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình xây dựng, phát triển đất nước. Với những lý do trên, đề tài có tính cần thiết, thời sự, khoa học và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của đề tài nghiên cứu là làm nổi bật tư tưởng thân dân trong văn học trung đại Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XVII với sự vận động mang tính lịch sử qua các

giai đoạn với những khuynh hướng, tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Trong đó, luận án tập trung phân tích, lý giải căn rễ của tư tưởng thân dân, những nội dung cơ bản của tư tưởng thân dân, xác định đặc trưng cũng như khả năng tiếp nối, phát triển trong quá trình vận động của tư tưởng này qua các giai đoạn. Tư tưởng thân dân trong văn học trung đại Việt Nam gợi những bài học về tư tưởng thân dân trong thời hiện đại.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án tập trung vào những nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu:

- Khái niệm dân và tư tưởng thân dân. Tiêu chí xác định tư tưởng thân dân trong tác phẩm văn học.
- Nghiên cứu những nội dung biểu hiện của tư tưởng thân dân trong từng giai đoạn văn học với các khuynh hướng, tác giả, tác phẩm tiêu biểu.
- Đánh giá về đặc điểm của tư tưởng thân dân trong văn học trung đại Việt Nam giai đoạn X - XVII, sự vận động phát triển của tư tưởng thân dân trong tiến trình lịch sử.
- Nghiên cứu những phương diện nghệ thuật thể hiện tư tưởng thân dân khi cần thiết.

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi tư liệu khảo sát

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tìm hiểu tư tưởng thân dân trong văn học trung đại Việt Nam theo giai đoạn văn học với những khuynh hướng, tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học trung đại từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII. Ở bốn thế kỷ đầu, chủ yếu tập trung khảo sát các tác giả thời Lí - Trần (từ sáng tác của các thiền sư, vua chúa, tướng lĩnh cho tới sáng tác của các nhà nho, trong đó đi sâu vào hai tác giả Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh). Tư tưởng thân dân trong văn học thế kỷ XV thể hiện qua sáng tác của các nhà văn thời kì khởi nghĩa Lam Sơn, thời Hồng Đức, trong đó tập trung vào hai tác giả Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông. Tư tưởng thân dân trong văn học thế kỷ XVI - XVII biểu hiện ở các tác phẩm thơ, phú thời Lê trung hưng, thời Mạc, tiêu biểu là Nguyễn Bình Khiêm; Phùng Khắc Khoan; hai tác phẩm khuyết danh *Thiên Nam minh giám*, *Thiên Nam ngữ lục*,...

3.2. Phạm vi tư liệu khảo sát

Tác giả luận án sẽ khảo sát tập trung những sáng tác của các tác giả thể hiện tư tưởng thân dân từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII. Các nguồn tư liệu chính mà chúng tôi

lấy làm căn cứ để sử dụng trong quá trình nghiên cứu là: *Thơ văn Lí - Trần* [12,13,16]; *Tổng tập văn học Việt Nam* [116,134]; *Nguyễn Trãi toàn tập* [94]; *Nguyễn Trãi toàn tập. Tân biên* [95,96,97]; *Thơ chữ Hán Lê Thánh Tông* [52]; *Hồng Đức quốc âm thi tập* [42]; *Tuyển tập thơ phú thời Mạc* [184]; *Toàn Việt thi lục* [45]; *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm (Tổng tập)* [164]; *Phùng Khắc Khoan, Hợp tuyển thơ văn* [129]; *Thiên Nam ngữ lục - Dẫn ca lịch sử* [117]; *Thiên Nam minh giám* [47]. Ngoài văn học viết luận án còn khảo sát thêm cả văn học dân gian.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng những phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

4.1. Phương pháp lịch sử

Sự phát triển của tư tưởng thân dân là hiện tượng mang tính lịch sử. Để tìm hiểu thấu đáo tư tưởng thân dân trong văn học nhiều thế kỉ, chúng tôi vận dụng phương pháp lịch sử. Đặt văn học trung đại Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII trong bối cảnh chính trị, lịch sử Việt Nam thời trung đại để tìm hiểu cách nhìn, cách đánh giá của các tác giả qua những tác phẩm tiêu biểu đề cập đến tư tưởng thân dân. Phương pháp lịch sử cũng cho phép chúng tôi nghiên cứu đối tượng trong sự phát triển mang tính lịch sử. Vận dụng phương pháp lịch sử, luận án nghiên cứu tư tưởng thân dân phát triển qua các giai đoạn với đặc điểm riêng của từng giai đoạn. Từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV là giai đoạn đầu tiên định hình tư tưởng thân dân với thành tựu chủ yếu tập trung ở văn học thời Lí - Trần. Tiếp đến, tư tưởng thân dân phát triển sang thế kỉ XV với khuynh hướng thể hiện mới, đầu thế kỉ tư tưởng thân dân mang âm hưởng hào hùng với những tác giả thời khởi nghĩa Lam Sơn, tiêu biểu là Nguyễn Trãi. Nửa sau thế kỉ XV, tư tưởng thân dân gắn với âm hưởng ngợi ca về triều đại hưng thịnh Lê Thánh Tông. Khi lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam có những bước chuyển mới ở thế kỉ XVI - XVII theo chiều hướng đi xuống, tư tưởng thân dân vì thế cũng chuyển từ cảm hứng ngợi ca sang phê phán hiện thực xã hội gắn liền với cách nhìn, quan niệm của nhân dân.

4.2. Phương pháp nghiên cứu liên ngành

Tư tưởng thân dân trong văn học có mối quan hệ tới lịch sử, xã hội, tư tưởng, văn hóa, triết học... Vì thế, để đưa ra được những đánh giá có tính tổng hợp, chúng tôi cần đến phương pháp nghiên cứu liên ngành. Những tri thức này rất có ý nghĩa khi chúng tôi tìm hiểu và lý giải nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng, điểm khác biệt về tư tưởng thân dân trong từng giai đoạn văn học hay ở các tác giả, khuynh hướng văn học.

4.3. Phương pháp so sánh

Phương pháp so sánh là phương pháp quan trọng không thể thiếu khi nghiên cứu về tư tưởng thân dân. Trong luận án, người viết sử dụng phương pháp so sánh để đối chiếu lịch sử với văn học; so sánh các giai đoạn văn học; so sánh các tác gia văn học và chủ đề, thể loại văn học. Từ đó, chỉ ra sự tiếp nối và phát triển của tư tưởng thân dân qua các giai đoạn từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII.

4.4. Phương pháp hệ thống

Luận án vận dụng phương pháp hệ thống để xác định tư tưởng thân dân: thứ nhất, xem xét vận động của tư tưởng thân dân không chỉ qua văn học mà qua các yếu tố khác như triết học, lịch sử, văn hóa,... từ đó thấy tư tưởng thân dân là vấn đề có tính lịch sử chịu chi phối, tác động của nhiều yếu tố khác nhau; thứ hai là nghiên cứu hệ thống hóa các tác giả, tác phẩm, thể loại - quá trình tiếp thu, tiếp nối, tương tác lẫn nhau và mở rộng tư tưởng thân dân ở các bình diện. Với quan điểm hệ thống, hướng nghiên cứu của luận án là khai thác nội dung tư tưởng và khi cần có thể chú ý tới khía cạnh thẩm mỹ, hình ảnh, biểu tượng, hệ thống, điển tích, điển cố, văn liệu liên quan đến các cấp độ *Dân - Thân dân* và “*Tư tưởng thân dân*”.

5. Đóng góp mới của luận án

Luận án được hoàn thành sẽ có những đóng góp sau:

- Xác lập và phân tích những tiền đề của tư tưởng thân dân trong văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII

- Làm sáng rõ sự vận động mang tính lịch sử của tư tưởng thân dân trong văn học thế kỉ thứ X - hết thế kỉ XVII, sự kế thừa, tiếp nối và phát triển của tư tưởng thân dân qua các giai đoạn thế kỉ X - thế kỉ XIV; thế kỉ XV; thế kỉ XVI - thế kỉ XVII. Phân tích nội dung tư tưởng thân dân ở từng giai đoạn, ở một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

- Từ tư tưởng thân dân, luận án góp phần làm rõ hơn một số vấn đề mang tính quy luật trong sự phát triển của văn học trung đại Việt Nam.

- Luận án là tài liệu tham khảo có ý nghĩa và thiết thực đối với công việc nghiên cứu, giảng dạy văn học trung đại Việt Nam, đồng thời có thể hữu ích với những người làm công tác xã hội quan tâm tới tư tưởng thân dân.

6. Cấu trúc luận án

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận*, *Danh mục Tài liệu tham khảo* và *Phụ lục*, luận án gồm 5 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và một số vấn đề liên quan đến đề tài

Chương 2: Những tiền đề của tư tưởng thân dân trong văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII

Chương 3: Tư tưởng thân dân trong văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV

Chương 4: Tư tưởng thân dân trong văn học thế kỉ XV

Chương 5: Tư tưởng thân dân trong văn học từ thế kỉ XVI đến hết thế kỉ XVII

Tailieu.vn

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Giới thuyết khái niệm *dân* và tư tưởng *thân dân*

1.1.1. Giới thuyết khái niệm *dân*

Dân là một khái niệm rất cơ bản trong lịch sử tư tưởng chính trị - xã hội. Chữ *dân* 民 trong lịch sử Hán ngữ đã có một quá trình chuyển biến lâu dài qua các thời kỳ. Theo giáp cốt văn: chữ này phần trên là hình một con mắt, phần dưới là một vật nhọn như kim đâm mù mắt. *Dân* là người bị đâm mù một mắt, nghi là gốc từ chữ *Manh* 盲 cũng nghĩa là người mù. Vì sao *Dân* lại mù một mắt? Họ hoặc là kẻ có tội, hoặc là tù binh chiến tranh, hoặc là nô lệ của giai cấp thống trị. Bọn thống trị chọc mù một mắt để phòng họ bỏ trốn. Theo Quách Mạt Nhược, thời cổ, chữ *Dân* 民 và chữ *Thần* 臣 đều là con mắt nhưng hình tượng *Thần* là con mắt đứng, còn hình tượng chữ *Dân* là con mắt nằm ngang bị đâm thủng (vì người cổ xưa hết sức coi trọng mắt). Mắt đứng (*thần*) biểu thị sự cúi đầu nghe lệnh, thần phục; còn mắt ngang biểu thị sự chống lại mệnh lệnh, nên phải chọc mù mắt,... Sang thời Tây Chu, chữ *Dân* chuyển nghĩa thành người dân bị thống trị, có nghĩa “nhân dân”, “bách tính”. Nghĩa *Dân* bị mù một mắt dần mất đi.

Trong các sách từ điển tiếng Việt, cách nêu khái niệm *dân* của mỗi cuốn từ điển có sự khác nhau. Theo *Hán Việt tự điển* của Thiều Chửu (1942) nghĩa của từ *dân* được chiết tự như sau: *dân* có nghĩa là người, dân, loài người thuộc ở dưới quyền chính trị gọi là *dân* như: *quốc dân* - *dân nước*. Trong cuốn *Từ điển tiếng Việt* (do Lê Văn Tân chủ biên, Nxb Khoa học Xã hội, 1976) có nêu khái niệm *dân* với năm nghĩa như sau: Từ dùng để gọi chung người trong một nước: như *Dân Việt Nam*; *Quần chúng* đông đảo gồm có: công nhân, nông dân, nhân dân lao động trong một nước có bóc lột; *Quần chúng* đông đảo nói chung; *Công dân* trong một địa phương: *Dân Hà Nội*; Những người thuộc một tầng lớp xã hội;

Trong *Từ điển tiếng Việt* (do Hoàng Phê chủ biên - 1994) nêu khái niệm *dân* với ba nghĩa: Người sống trong một khu vực địa lý hành chính, trong quan hệ với khu vực ấy (Ví dụ: *Dân giàu nước mạnh*; *Làm dân một nước độc lập*; *Thành phố đông dân*); Người dân thuộc tầng lớp đông đảo nhất, trong quan hệ với bộ phận cầm quyền, bộ phận lãnh đạo hoặc quân đội. Ví dụ: *Người dân thường*; *tình quân dân*; *Người cùng*

nghề nghiệp, hoàn cảnh... làm thành một lớp người riêng (Ví dụ: Dân thợ, dân buôn, dân ngụ cư).

Để làm rõ khái niệm *dân* một cách thấu đáo hơn, chúng tôi trở về với quan niệm của Nho giáo. Trong quan niệm của các nhà nho, *dân* bao gồm nhiều giai tầng khác nhau, và về cơ bản, họ có cùng địa vị kinh tế, vai trò xã hội, là bộ phận nhiều nhất trong dân cư, đối lập với tầng lớp khác - tầng lớp trị dân (gồm vua, quan). Khổng Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử luôn khẳng định địa vị xã hội của người dân là những người nô lệ, bị trị, họ luôn chịu sự sai khiến, cai trị của tầng lớp thống trị. "*Dân khả sử do chi, bất khả sử trị chi*" (*Luận ngữ*, Thái Bá) - (Dân, có thể khiến họ đi theo con đường của chúng ta, chứ không thể khiến họ biết đó là vì sao) [27, tr.56] là mang ý nghĩa như vậy.

Dân có khi được gọi là kẻ "lao碌", tức là những người lao động chân tay, lực lượng sản xuất ra của cải để duy trì tồn tại của xã hội, của mỗi người và của cả tầng lớp thống trị. Có khi là kẻ "*thứ dân*", "*hạ dân*", "*dã dân*" - những người dân lao động thuộc tứ dân bách tính bình thường trong xã hội. Tuy nhiên, cũng trong quan điểm của Mạnh Tử, ông lại gọi người bị điều khiển, bị sai khiến, *dân* là "*lê dân*" (dân đen), "*xích tử*" (con đò) để nói về người dân nghèo khổ. Khái niệm *dân* dần được mở rộng hơn để chỉ *bê tôi*, tức *thần dân* trong thiên hạ, đối lập với nhà vua. Họ còn được gọi là "bá tính", "thiên hạ", tức là tất muôn dân, trăm họ sống trong cõi trời đất này: "*Chư hầu chi bảo tam: Thổ địa, nhân dân, chính sự. Bảo châu ngọc giả, vương tất cập thân*" (Một vị vua chư hầu nên quý trọng ba việc này: Thổ địa, nhân dân và chính sự. Nếu chê ba điều ấy mà quý trọng châu ngọc, ắt thân mình phải vương lầy tai ương" [27, tr.270].

Từ khái niệm *dân* theo nghĩa gốc Hán và Nho giáo, ta thấy chữ *dân* và *Nhân Dân* ngày nay đã được mở rộng nội hàm khái niệm, tương đương với chữ *People* trong tiếng Anh, dùng để chỉ một tập hợp những người sống trong một nước. Nó là số nhiều không xác định của chữ *Person* (cá nhân). Bản Hiến pháp Mỹ mở đầu là 3 từ "*We The People...*". Dù *People* vẫn là khái niệm chưa rõ ràng, song 3 chữ đặt ở vị trí đặc biệt này cho thấy một hàm ý trang trọng, đề cao.

Ở thời kì hiện đại, *dân* là một khái niệm có tính chất chính trị, không phải là thực thể. *Dân* bao gồm mọi tầng lớp trong xã hội, đối tượng chiếm số đông nhất vẫn là tầng lớp nhân dân lao động - những người tạo ra của cải vật chất để duy trì đời sống xã hội, họ có sức mạnh to lớn trong mọi lĩnh vực của quốc gia dân tộc. Tư tưởng về dân cũng có bước tiến mới gắn liền với tư tưởng dân chủ; phương châm xây dựng một xã hội

công bằng, đất nước do dân làm chủ, vì dân, lấy dân làm gốc. Tư tưởng về dân gắn liền với việc duy trì và bảo vệ Tổ quốc, gắn bó và hòa quyện với tư tưởng yêu nước, với thực tiễn của công cuộc bảo vệ và xây dựng, phát triển quốc gia về mọi mặt.

Từ những điều đã trình bày ở trên, tác giả luận án xin rút ra mấy điểm chung về khái niệm *dân* (ở đây là trong thời trung đại, bởi tư tưởng “thân dân” mà luận án nghiên cứu gắn với thời này) với ý nghĩa khoa học sau: *Dân* là một khái niệm xuất hiện và tồn tại khi xã hội có giai cấp, có nhà nước, dùng để chỉ những người lao động bình thường, đông đảo, không có chức quyền và tương phản với những người cầm quyền ở các địa bàn lãnh thổ, các nghề nghiệp khác nhau trong lĩnh vực sản xuất vật chất và hoạt động tinh thần của một xã hội nhất định. Do đó, khái niệm *dân* mang màu sắc và ý nghĩa chính trị khá rõ rệt, phần nào phản ánh được các mối quan hệ xã hội. Trong xã hội phong kiến, tuy không còn bị xem là những công cụ lao động biết nói nhưng dân vẫn nằm trong địa vị phụ thuộc mà chế độ phong kiến Trung Quốc gọi là “thần dân”. Nghĩa đen của từ này chỉ người bề tôi, phải chịu sự khuất phục, chịu sự chi phối và phụ thuộc của nhà vua và dĩ nhiên, theo trật tự xã hội, *thần dân* vẫn phải xếp dưới tầng lớp quan lại. Điều này không phải ở phương Đông mà dưới chế độ phong kiến ở các nước phương Tây, tình hình này cũng diễn ra tương tự. *Thần dân*, tiếng Pháp là *Sujets* (nghĩa đen là thuộc, là phải phục tùng), tiếng Anh là *Subjet* (là khuất phục, là bắt phải chịu). Theo tiếng Nga là *люди* (nghĩa là chịu, bị, ngã theo). Trong xã hội hiện đại, vai trò của người dân mới được nhận thức đầy đủ hơn. Người dân được đặt trong mối quan hệ về mặt quyền lợi và nghĩa vụ với nhà nước. Người dân có quyền bầu cử, bầu ra những người xứng đáng vào bộ máy nhà nước, có thể đại diện cho quyền lợi của mình thì khi đó dân mới có tư cách là công dân.

1.1.2. Giới thuyết khái niệm tư tưởng thân dân

Xuyên suốt hệ thống tư tưởng quan điểm trong các sách kinh điển của nho gia ta thấy có một điểm chung là đề cao ý nghĩa, vai trò quan trọng của dân, dân là *thần dân* nên cần được chăm lo, dạy dỗ. Điều đó tạo nên giá trị nhân văn của tư tưởng thân dân. Các nhà nho quan niệm dân là những người “lao lực”, họ là lực lượng to lớn trong xã hội, lực lượng chủ yếu sáng tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Bởi vậy cho nên, người cầm quyền phải quan tâm đến đời sống vật chất, đến những nhu cầu tối thiểu, thiết thực, trực tiếp của người dân. Khổng Tử khuyên nhà cầm quyền phải giúp cho dân làm giàu, muốn cai trị dân nhà cầm quyền cần phải có ba điều kiện này: “*Túc thực, túc bình,*

dân tín chi hy” (Luơng thực cho đủ để nuôi dân, binh lực cho mạnh để bảo vệ dân, lòng tin cậy của dân đối với mình) (*Luận ngữ*) [27, tr.184]. Trong ba điều ấy Khổng Tử xếp lòng tin là điều quyết định, rồi đến luơng thực và binh lực.

Nho giáo đề cao *dân* trong quan niệm coi dân còn là gốc nước, là nền tảng, là cơ sở của nền chính trị: “*Dĩ dân vi bản*” - (Khổng Tử), “*dân vi bang bản*” (Mạnh Tử). “*Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*” (Dân là đáng quý nhất, xã tắc sau dân, vua xem nhẹ hơn (dân và xã tắc) [27, tr.262]. Đây là tư tưởng tiến bộ, đặc biệt là đối với một xã hội mấy ngàn năm sống dưới sự ngự trị của các triều vua. Cũng từ quan niệm này, các Nho gia đều cho rằng, lòng tin của dân, sự ủng hộ của dân quyết định sự thịnh, suy, tồn vong của một triều đại hay nền chính sự. Mạnh Tử đã nêu lên một tư tưởng rất tiến bộ và đi trước cả thời đại ông: “*Kiệt, Trụ chi thất thiên hạ giả, thất kỳ dân giả. Thất kỳ dân giả, thất kỳ tâm giả. Đắc thiên hạ hữu đạo: Đắc kỳ dân, tư đắc thiên hạ hỹ. Đắc kỳ dân hữu đạo: Đắc kỳ tâm, tư đắc dân hỹ. Đắc kỳ tâm hữu đạo: Sở dục, dĩ chi tỵ chi: Sở ố, vật thi nhĩ dã.*” (Kiệt và Trụ mất thiên hạ tức mất ngôi thiên tử, ấy vì mất dân chúng. Mất dân chúng, ấy vì mất lòng dân. Muốn được thiên hạ, có một phương pháp nên theo: Hễ được lòng dân, tự nhiên sẽ được dân chúng. Muốn được dân chúng, có một phương pháp nên theo: dân muốn việc gì nhà cầm quyền nên cung cấp cho họ; dân ghét việc gì nhà cầm quyền đừng thi thố cho họ” (Mạnh Tử) [27, tr.18]. Tuân Tử lấy hình ảnh ẩn dụ “thuyền” và “nước” để nêu bật sức mạnh của nước, cũng là khẳng định vai trò to lớn của dân trong việc ổn định xã hội: “*Quân giả chu dã, thứ nhân giả thủy dã; thủy tắc tái chu, thủy tắc phúc chu*” (Vua là thuyền, dân là nước; nước có thể chở thuyền, nước có thể lật thuyền” (Tuân Tử) [88, tr.121].

Trong lịch sử tư tưởng chính trị Trung Quốc cổ đại, có hai khái niệm “thân dân” và “tân dân”, trong đó chữ *tân* có khi là viết tắt của chữ *thân*. “Tân dân” là giác ngộ dân chúng để dân chúng đổi mới; “Thân dân” là làm cho dân giàu có, an thuận. Vấn đề làm cho dân giàu có và vấn đề giáo dục dạy dỗ dân chúng là hai vấn đề song song, *Thượng Thư, Kinh Thi, Quán tử, Luận ngữ, Đông Trạng Thư* đề cao “tiên phú hậu giáo” (trước làm cho dân giàu, sau giáo dục dân, đi từ phú đến giáo, với các khái niệm *dưỡng dân, khang dân, dụ dân, bảo dân, thứ chi - phú chi - giáo chi*); Giản Nghị nhấn mạnh trước giáo dục, sau làm cho dân giàu. Chu Hy nhấn mạnh “nội thánh” (bậc đế vương phải gương mẫu đạo đức, “tu ki” để giáo dục dân chúng, minh minh đức), còn Vương Dương Minh chú ý đến “ngoại vương” (bậc đế vương phải “an bách tính”). Khổng Tử

nêu rõ các phép tắc của người cai trị thiên hạ, trong đó ông đặc biệt nhấn mạnh lòng nhân đức, từ ái đối với dân “*Tử thứ dân, tắc bá tính khuyển*” (Mình thương dân chúng như con, thì bá tính rủa nhau phục tùng theo mệnh lệnh mình). (Luận ngữ) [27, tr. 252]. Mạnh Tử tiếp nối tư tưởng của Khổng Tử, ông giải thích rõ hơn chính sách giáo dân: “*Thiện chính bất như thiện giáo chi đắc dân già. Thiện chính, dân úy chi; thiện giáo, dân ái chi. Thiện chính, đắc dân tài; thiện giáo đắc dân tâm*” (Lời nói có nhân làm cho người ta cảm động chẳng sâu xa bằng danh tiếng có nhân. Cai trị giỏi thấu hoạch dân chúng chẳng bằng giáo hóa hay. Cai trị giỏi khiến dân sợ sệt; giáo hóa hay làm cho dân yêu mến. Cai trị giỏi làm cho dân được giàu có no đủ; giáo hóa hay thì được lòng dân) [27, tr.224]. Tư tưởng thân dân đó gắn với chủ nghĩa nhân đạo và có nhiều điểm tiến bộ so với thời đại.

Trên cơ sở tìm hiểu khái niệm *tư tưởng thân dân*, luận án đề xuất nội hàm cơ bản của khái niệm *tư tưởng thân dân* như sau: *Tư tưởng thân dân* được hiểu là *quan niệm, nhận thức về dân, cách ứng xử với dân* theo hướng: gần gũi, gắn bó với dân; thương dân, đề cao sức mạnh của dân (trọng dân), ơn dân. Tính chất phức tạp, nhiều chiều trong khái niệm *tư tưởng thân dân* còn thể hiện ở việc xác định chủ thể của tư tưởng thân dân. Đây là tư tưởng của giai cấp thống chí và của cả các sĩ phu, nho sĩ trí thức. Tầng lớp thống trị dùng tư tưởng này để quản trị đất nước. Với họ, *dân* có khi là *mục đích*, có khi là *phương tiện*. *Dân* là mục đích khi người cầm quyền hướng tới người dân (thấy được sức mạnh của người dân để quan tâm tới họ). *Dân* là phương tiện khi người cầm quyền hướng tới người dân nhưng mục đích là để duy trì địa vị giai cấp thống trị (không để dân khổ để dân không làm loạn, thấy được sức mạnh người dân, tìm cách chặn dân, vỗ về dân, “yên dân” để giữ yên địa vị của giai cấp thống trị. Tư tưởng thân dân của các sĩ phu – trí thức phong kiến thì trong tư tưởng ấy có gửi gắm những mong ước, khát vọng của quần chúng. Vì vậy, nội hàm “tư tưởng thân dân” ở từng triều đại tương ứng với khái niệm “dân” ở mỗi thời, qua đó cũng thể hiện trình độ, nhận thức của tầng lớp “quân tử” thời ấy. Qua tư tưởng thân dân, có thể đánh giá được sự tiến bộ, văn minh hay bảo thủ, lạc hậu của các triều đại.

1.1.3. Tiêu chí xác định tư tưởng thân dân trong tác phẩm văn học

Từ việc phân tích các mối quan hệ, các bình diện, các khía cạnh khác nhau trong khái niệm *dân* và *tư tưởng thân dân*, luận án xác định tìm hiểu tư tưởng thân dân trong văn học trung đại Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII với các nội dung: Tư tưởng

thân dân thể hiện một cách *trực tiếp* là khi nói đến người dân, đây là nội dung chủ yếu mà đề tài quan tâm nghiên cứu. Tư tưởng thân dân thể hiện một cách *gián tiếp* là khi viết về đất nước, xã hội,... nhưng qua đó gửi gắm nguyện vọng về cuộc sống của người dân. Khi viết về người dân trong cảnh đói khổ nhưng đồng thời bày tỏ niềm mơ ước về một đất nước hòa bình, thịnh vượng để người dân đỡ khổ. Vì thế, có những trường hợp, tư tưởng thân dân và tư tưởng yêu nước giao thoa với nhau. Tuy nhiên, đây lại là hai phạm trù bởi lẽ, tư tưởng thân dân nhìn từ góc độ mục đích viết về người dân cơ bản đứng trên lập trường nhân bản - nhân đạo về quyền sống con người. Còn tư tưởng yêu nước về cơ bản đứng trên lập trường dân tộc.

Luận án của chúng tôi đề cập đến tư tưởng thân dân trong văn học tập trung qua ba phương diện:

Thứ nhất, thân dân là *thương dân* (ái dân). Đây là nền tảng cũng là gốc rễ của tư tưởng thân dân. Xuất phát từ những tình cảm chân thành, nhân ái mà xúc động, rung cảm, đồng cảm với những niềm vui, nỗi buồn, nỗi đau khổ trong cuộc sống của người dân. Chỉ khi gần gũi và chia sẻ có tình cảm mới hiểu và biết yêu, thương dân.

Thứ hai, thân dân là *trọng dân*, tức là đề cao người dân, coi trọng vai trò, vị trí của người dân; coi dân là gốc của nước. Trong đời sống xã hội, người dân luôn luôn có một vị trí quyết định, sáng tạo ra những giá trị của cải vật chất và tinh thần. Trọng dân thì mới phát huy được sức mạnh của dân. Do đó, *trọng dân* là mức độ thứ hai, tiến lên một bước khi nhận ra vai trò, ý nghĩa của dân trong kiến tạo xã hội.

Thứ ba, thân dân là *on dân*. Khi giới cầm quyền biết “on dân” là vị thế của dân đã được đánh giá cao và được tôn trọng thật sự. Thái độ “biết on” dân là thái độ của kẻ dưới đối với người trên. Chỉ khi có nhận thức cao mới có suy nghĩ và tình cảm biết on này và khi “biết on” mới có cách hành xử, đối xử tương ứng. Về cơ bản nội dung này chỉ xuất hiện ở Nguyễn Trãi. Tư tưởng của Nguyễn Trãi về dân là tư tưởng vượt lên thời đại ông và rất có ý nghĩa đối với thời hiện đại khi mà vai trò và vị trí cũng như nhận thức về dân đã có những bước tiến bộ vượt bậc.

Rõ ràng, *tư tưởng thân dân* là một trong những tư tưởng lớn và quan trọng của lịch sử chính trị phương Đông nói chung, ở Trung Quốc và Việt Nam nói riêng. Tư tưởng thân dân cũng có sự phát triển và nó thể hiện sự phát triển của các triều đại phong kiến. Tư tưởng *thân dân* dù nằm trong lằn ranh của những vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa mang những tính chất phức tạp, song nếu xét sự biểu hiện trong văn học thì tư

tưởng thân dân vẫn được tiếp cận theo hướng thuận chiều nhiều hơn là trái chiều. Thuận chiều thể hiện sự đóng góp của các tác giả khi nhìn nhận rõ vai trò tích cực của người dân, phản ánh một cách sâu sắc các “tiêu chí” trên của tư tưởng thân dân trong quan điểm và các sáng tác văn học. Trái chiều lại theo hướng xa rời, thậm chí có quan điểm, cách nhìn coi thường vị thế của người dân, đi ngược lại với các “tiêu chí” của tư tưởng thân dân.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Nhìn chung có những hướng nghiên cứu sau liên quan tới đề tài của luận án:

1.2.1. Nghiên cứu tư tưởng thân dân từ góc độ tư tưởng, triết học, lịch sử liên quan tới đề tài

Các tài liệu nghiên cứu tư tưởng thân dân từ góc độ tư tưởng, triết học, lịch sử là yếu tố tiền đề giúp chúng tôi hình dung về diễn tiến của tư tưởng thân dân trong mối quan hệ với văn học. Các nhà nghiên cứu về lịch sử tư tưởng Việt Nam một mặt chỉ ra rằng “thân dân” là một tư tưởng lớn của thời đại, nó có liên quan chặt chẽ với lịch sử, tư tưởng, văn hóa, triết học, tôn giáo, đặc biệt là Nho giáo, Phật giáo, mặt khác, tư tưởng thân dân còn là tinh hoa trong truyền thống yêu nước, nhân đạo và văn hóa Việt Nam được kết tinh trong sáng tác của nhiều tác gia lớn trong văn học trung đại Việt Nam. Có thể kể tới các tài liệu tiêu biểu sau: *Lịch sử tư tưởng Việt Nam (1967 - 1970)* của nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Thục [186]; *Tư tưởng phương Đông gợi những điểm nhìn tham chiếu* của tác giả Cao Xuân Huy [68]; *Tư tưởng Việt Nam thời Trần* (2014) của Trần Thuận [185]; *Khái lược lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam* (2016) của nhà nghiên cứu Nguyễn Tài Đông, Nguyễn Tài Thư và nhiều tác giả khác [46]; *Vấn đề con người trong lịch sử tư tưởng Việt Nam thế kỉ XV- XVIII* của tác giả Nguyễn Bá Cường [29],...

Ngoài những công trình nghiên cứu trên đây, liên quan đến nội dung đề tài luận án còn có các luận văn, luận án triết học, các bài báo in trên Tạp chí đã được công bố như *Quan niệm về dân và tư tưởng thân dân trong “Luận ngữ”, “Mạnh Tử”* của Trần Quang Ánh [3]; *Một số nội dung cơ bản của Nho giáo Việt Nam thời Trần* [208] của Vũ Văn Vinh; *Đặc trưng thời đại Lí Trần* [106] của Nguyễn Công Lý (Tạp chí Nghiên cứu Phật học, HN, số 3 - 2000), ... Đáng chú ý là trong bài *Chữ dân trong di cao văn chương của Nguyễn Trãi* Phan Quý Bích nhấn mạnh tư tưởng “trọng dân” ở Nguyễn Trãi: “không phải nhà nho nào cũng được như Nguyễn Trãi - kiên trì với tư tưởng trọng “dân” đến mức, xem dân là động lực của mọi biến cố xã hội” [10,tr.4]. Nhà nghiên cứu

Doãn Chính trong bài *Về tư tưởng triết học của Nguyễn Trãi* đã rất chú ý tới tư tưởng *thương dân* của ông: “Đối với Nguyễn Trãi “*yêu nước là thương dân, để cứu nước phải dựa vào dân, và cứu nước là để cứu dân, đem lại thái bình cho dân, cho mọi người*”... Nguyễn Trãi là người đầu tiên trong lịch sử Việt Nam nói đến “*dân đen con đỏ*” một cách *tha thiết, cảm động và chân thành*” [20,tr.35-36]. Tác giả Trần Thị Hương với đề tài nghiên cứu triết học *Tư tưởng thân dân trong lịch sử tư tưởng Việt Nam đến đầu thế kỉ XX* đã đi sâu phân tích nguồn gốc và nội dung của tư tưởng thân dân trong lịch sử tư tưởng Việt Nam từ tư tưởng lấy dân làm gốc của Trần Quốc Tuấn; tư tưởng thân dân của Nguyễn Trãi; tư tưởng dân chủ của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh đến tư tưởng thân dân, “*lấy dân làm gốc*” của Hồ Chí Minh [70].

Khi nghiên cứu về lịch sử tư tưởng Việt Nam, các nhà nghiên cứu cũng đã chú ý tới sự ảnh hưởng và tác động rất to lớn của Nho giáo, Phật giáo đối với sự hình thành tư tưởng của con người Việt Nam cũng như tư tưởng thân dân. Các tài liệu có đóng góp lớn là: *Nho giáo* (1930) [81] của Trần Trọng Kim; *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại* (1998) [71] của Trần Đình Hượu; *Học thuyết chính trị - xã hội của Nho giáo và ảnh hưởng của nó ở Việt Nam (từ thế kỉ XI đến nửa đầu thế kỉ XIX)* (2007) [14] của tác giả Nguyễn Thanh Bình; *Việt Nam Phật giáo sử luận* (1979) [86] của Nguyễn Lang (Thích Nhất Hạnh); *Ảnh hưởng Phật giáo trong đời sống người Việt* (1996) [148] của Thích Nguyên Tạng,... Các nhà nghiên cứu Trần Trọng Kim, Trần Đình Hượu đã chỉ ra sự ảnh hưởng nhiều mặt của Nho giáo đối với văn học Việt Nam. Trong phần viết về *Nguyễn Trãi và Nho giáo*, tác giả Trần Đình Hượu nhấn mạnh: “*không chỉ bàn về hình thức Nho trong tư tưởng Nguyễn Trãi mà bàn về khâu nhà Nho Nguyễn Trãi trong lịch sử du nhập Nho giáo, trong lịch sử phát triển tư tưởng Việt Nam*” [71,tr. 77]. Tác giả cũng chỉ ra: “*Suốt đời Nguyễn Trãi làm việc với tinh thần nhập thế có trách nhiệm, luôn luôn để ý đến nhân dân, lo trước điều lo của thiên hạ ... Đó là tinh thần vốn có của Nho gia*” [71,tr.95]. Nguyễn Lang (Thích Nhất Hạnh) khi bàn về sự phát triển của Phật giáo đời Lí, đời Trần nhấn mạnh đến những nhân vật như Trần Nhân Tông (vị tổ thứ nhất của thiền phái Trúc Lâm), sở dĩ được nhân dân ủng hộ và tôn kính cũng là vì vua có tư tưởng thân dân - cổ kết được lòng dân, từ đó đem đạo Phật truyền bá đến muôn dân một cách tự nhiên: “*Một ông vua đã từng đánh bại cuộc xâm lăng của nhà Nguyên, một ông vua đã đem hòa bình và thịnh trị về cho dân, một ông vua như thế khi đi xuất gia chắc hẳn đã gây nên một tiếng vang lớn và khiến tất cả mọi người trong nước hướng nhìn*